

Số: 30/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 31- 3-2021
Về việc: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Mỹ N

2. Ông Phạm Văn T

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bé D - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh L tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thảo Q - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 421/2020/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 12 năm 2020 về việc “xin ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hoàng T, sinh năm 1981(có mặt)

Cư trú tại nhà số 58/33C, đường 14/9, Phường 5, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1975(vắng mặt)

Cư trú tại nhà số 58/33C, đường 14/9, Phường 5 thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 07/12/2020, Bà Nguyễn Thị Hoàng T yêu cầu ly hôn và con chung. Bà T khai, vợ chồng quen biết tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 01/12/2000 tại Ủy ban nhân dân phường 5, thị xã Vĩnh L (nay là thành phố Vĩnh L), tỉnh Vĩnh L. Sau cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm và ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Bà T xác định không còn tình cảm, yêu cầu được ly hôn với Ông X.

Con chung Nguyễn Thị Hoàng T1, sinh ngày 02/7/2001 và Nguyễn Thị Hoàng H, sinh ngày 05/8/2003. Hiện Ông X đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung. Khi ly hôn, Bà T giao cho Ông X tiếp tục nuôi dưỡng Hoàng H, Bà T không cấp dưỡng nuôi con. Đối với Hoàng T đã đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ tài sản đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông X đã được tổng đạt các văn bản tố tụng, nhận hợp lệ ngày 05/01/2021 và ngày 29/01/2021 gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 25/01/2021 và ngày 01/3/2021 nhưng vắng mặt, không lý do và không có ý kiến phản hồi.

Ngày 04/3/2021, Ông X có ý kiến trình bày: Ông X và Bà T có đăng ký kết hôn vào ngày 01/12/2000 tại Ủy ban nhân dân phường 5, thị xã Vĩnh L (nay là thành phố Vĩnh L). Vợ chồng đã ly thân đến nay được 04 năm, Bà T quyết định hôn nhân thế nào thì Ông X đồng ý với quyết định của Bà T. Hiện tại Ông X đang trực tiếp nuôi 02 con chung Nguyễn Thị Hoàng T1, sinh ngày 02/7/2001 và Nguyễn Thị Hoàng H, sinh ngày 05/8/2003. Đồng ý nhận tiếp tục nuôi dưỡng Hoàng H và không yêu cầu Bà T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ tài sản đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không có tài liệu chứng cứ gì mới để xuất trình. Bà T khai, bà và Ông X có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 5, thị xã Vĩnh L (nay là thành phố Vĩnh L). Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017, do bất đồng quan điểm và ngoài ra Ông X có quan hệ tình cảm với người khác nhưng không có chứng cứ chứng minh, vợ chồng ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Bà T xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn đoàn tụ và yêu cầu được ly hôn. Khi ly hôn, Bà T giao con chung Hoàng H cho Ông X tiếp tục nuôi dưỡng. Hiện tại Bà T sinh sống phụ bán café có thu nhập 5.000.000 đồng/tháng nên tự nguyện cấp dưỡng cho Hoàng H đến khi đủ 18 tuổi, mỗi tháng 1.500.000 đồng. Còn đối với Hoàng T đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng. Tài sản chung, không có và không có nợ tài sản gì ai.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Ông X vắng mặt theo đơn đề nghị, có ý kiến giữ nguyên lời khai ngày 04/3/2021.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh L, phát biểu:** Từ khi thụ lý cho đến quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự thủ tục tố tụng khác trong quá trình thụ lý, xét xử sơ thẩm đều tuân theo pháp luật qui định.

Về nội dung, áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH khóa 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Hoàng Trang.

Bà T được ly hôn với Ông X, giao cháu Hoàng H cho Ông X tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận tự nguyện của Bà T cấp dưỡng cho Hoàng H đến đủ 18 tuổi, mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ tài sản đều không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm, Bà T phải chịu tiền án phí sơ thẩm hôn nhân 300.000 đồng và tiền án phí sơ thẩm dân sự 300.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu ly hôn. Bị đơn cư trú tại địa phận thành phố Vĩnh L. Quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp ly hôn nên thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ông X được tổng đạt các văn bản tố tụng tham gia phiên tòa sơ thẩm, có đơn đề nghị được vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa sơ thẩm vắng mặt Ông X theo luật định.

[2]. Hôn nhân giữa Bà T và Ông X có đăng ký kết hôn là tuân thủ điều kiện kết hôn, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ ngày đăng ký kết hôn 01/12/2000.

Xét lời khai của Bà T cho rằng, nguyên nhân ly hôn là do đôi bên có mâu thuẫn nhiều năm và ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Điều này Ông X cũng đã xác nhận vợ chồng ly thân đến nay là 04 năm và đồng ý với sự quyết định ly hôn của Bà T. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, yêu cầu ly hôn của Bà T là có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về con chung, cháu Nguyễn Thị Hoàng T1 đã đủ tuổi trưởng thành và các bên đương sự không tranh chấp yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Còn đối với cháu Hà, có nguyện vọng được Ông X tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử giao cháu Hà cho Ông X tiếp tục nuôi dưỡng là hợp lý. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, phía Ông X không yêu cầu Bà T cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên tại phiên tòa, Bà T tự nguyện cấp dưỡng cho Hoàng H đến khi đủ 18 tuổi, tiền cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của Bà T là phù hợp Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà T và Ông X phải tuân thủ các Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó”; “Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”.

[4]. Về tài sản chung và nợ tài sản: Bà T và Ông X đồng ý xác nhận không có tài sản chung và nợ tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. **Về án phí sơ thẩm:** Căn cứ Điều 146 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 5,6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14; Điều 13 Nghị quyết số:01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao.

Nguyên đơn phải chịu tiền án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Vì vậy, Bà T phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số N⁰ 0005937 ngày 22/12/2020 của cơ quan Chỉ cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh L; Bà T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm hôn nhân.

- Bà T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm dân sự.

- Ông X không phải chịu tiền án phí sơ thẩm dân sự và hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

I. Áp dụng Điều 56, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14; Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao; Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Bà Nguyễn Thị Hoàng T và Ông Nguyễn Văn X.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Hoàng H, sinh ngày 05/8/2003 cho Ông Nguyễn Văn X tiếp tục nuôi con.

Ghi nhận sự tự nguyện của Bà T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho Hoàng H đến khi đủ 18 tuổi, bằng hình thức mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Bà T được quyền tới thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Đối với Nguyễn Thị Hoàng T1 đã đủ tuổi trưởng thành, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung, nợ tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

II. Về án phí sơ thẩm: Bà T phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số N⁰ 0005937 ngày 22/12/2020 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh L; Bà T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm hôn nhân.

- Bà T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm dân sự.

- Ông X không phải chịu tiền án phí sơ thẩm dân sự và hôn nhân.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho biết, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS.ND cùng cấp;
- T.H.A cùng cấp;
- UBND xã, phường;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.